

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT

Ngày 29 - 10 - 2020

V/v “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lưỡng.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Khôi

Bà Trần Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22/2020/QĐ-PT ngày 29/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Quý Đ, sinh năm 1954;
Địa chỉ cư trú: Số nhà 73, phố NĐC, phường TM, quận HM, Thành phố Hà Nội. (có mặt)
2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị P, sinh năm 1963;
Địa chỉ cư trú: Phố H, thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)
3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
 - 3.1. Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1957;
Địa chỉ cư trú: Phố H, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp của bà Th: Ông Đinh Quý Đ, sinh năm 1954;
Địa chỉ cư trú: Số nhà 73, phố NĐC, phường TM, quận HM, Thành phố Hà Nội (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2017).
 - 3.2. Ông Đinh Quý T, sinh năm 1941;
Địa chỉ cư trú: Phố Bắc Sơn, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Đinh Quý Đ, sinh năm 1954;
Địa chỉ cư trú: Số nhà 73, phố NĐC, phường TM, quận HM, thành phố Hà Nội (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2017).

3.3. Ông Đinh Quý C, sinh năm 1947;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 146, đường Ng, phố PX, phường NB, thành phố N1, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông C: Ông Đinh Quý Đ, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: Số nhà 73, phố NĐC, phường TM, quận HM, thành phố Hà Nội (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2020).

3.4. Ông Đinh Quý Đ1, sinh năm 1955;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 83, PĐH, phường HO, quận LC, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Đ1: Ông Đinh Quý Đ, sinh năm 1954;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 73, phố NĐC, phường TM, quận HM, thành phố Hà Nội (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2017).

3.5. Bà Đinh Thị T1, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: Thôn LU, xã ĐP, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà T1: Ông Đinh Quý Đ, sinh năm 1954;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 73, phố NĐC, phường TM, quận HM, thành phố Hà Nội (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2017).

3.6. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: Phố H, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh L: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1963;

Địa chỉ cư trú: Phố H, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2017).

3.7. Bà Đinh Thị Tr, sinh năm 1951;

Địa chỉ cư trú: Phố NG, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Tr: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Phố H, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2017).

3.8. Bà Đinh Thị N2, sinh năm 1961;

Địa chỉ cư trú: Số nhà 02, đường 9a, phường 8, thành phố T2, tỉnh Phú Yên. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà N2: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1963;

Địa chỉ cư trú: Phố H, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình (Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2017).

3.9. Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình.

Trụ sở: Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Thị trấn N: Bà Trần Thị N3; chức vụ: Chủ tịch UBND Thị trấn N là Là đại diện theo pháp luật. (vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đinh Quý Đ, bị đơn bà Đinh Thị P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Quý C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2017, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 20/01/2017 và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Đinh Quý Đ trình bày:

Cụ Đinh Quý C1 và cụ Vũ Thị H1 có 09 người con đẻ gồm: Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ1, Đinh Quý Đ, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1, Đinh Thị Tr, Đinh Thị P, Đinh Thị N2. Trong thời kỳ hôn nhân cụ C1 và cụ H1 có tạo lập được khối tài sản là 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 và công trình phụ trên diện tích đất 308m² tại phố H, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. Khi còn sống, cụ C1 và cụ H1 cho vợ chồng bà Th, ông Th1 60 m² đất làm nhà. Năm 1989 cụ C1 chết. Năm 1990, cụ H1 ký biên bản hợp gia đình cho vợ chồng bà Th, ông Th1 60m² (thực tế là 74m²). Diện tích đất này vợ chồng ông Th1, bà Th đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất cụ C1 và cụ H1 để lại chỉ còn là 234 m². Khi chết, cụ C1 và cụ H1 đều không để lại di chúc. Ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau: Chia di sản thừa kế theo pháp luật khối di sản của cụ C1 cụ H1 gồm 234m² đất mang tên Đinh Quý C1 và 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 tại phố H, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình; Hủy việc tạm giao quản lý di sản theo quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2011/DSPT ngày 20/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là bản án số 09); buộc các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ1, Đinh Quý Đ, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1, Đinh Thị Tr, Đinh Thị P, Đinh Thị N2 giao lại di sản cho các đồng thừa kế để chia thừa kế theo pháp luật và chấm dứt việc tạm giao quản lý di sản; Buộc bà Đinh Thị P phải tháo dỡ công trình nhà bếp, nhà tắm tự ý xây dựng trái pháp luật trên đất di sản được tạm giao quản lý để giao lại hiện trạng như trong Bản án dân sự phúc thẩm số 09 và sơ đồ diện tích nhà, đất tạm giao cho các đương sự kèm theo Bản án, để chia thừa kế theo pháp luật; Yêu cầu được chia di sản bằng hiện vật và gộp chung 06 kỷ phần đất, nhà thừa kế của các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 để làm nơi thờ cúng bố mẹ tổ tiên; Giao cho ông Đinh Quý C, Đinh Quý Đ quyền sử dụng diện tích đất 156 m² (kích thước: 7,468 m x 20,9 m) là diện tích đất được gộp từ 6 kỷ phần thừa kế của ông T, ông C, ông Đ, ông Đ1, bà Th, bà T1 và quyền sở hữu phần tài sản là nhà cấp 4 cùng các công trình phụ gồm giếng nước, nhà bếp, nhà tắm, bể nước xây trên diện tích đất 156 m².

Tại Đơn bổ sung yêu cầu ngày 06/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/01/2018, ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chia thừa kế theo pháp luật 234m² đất cùng tài sản trên đất là căn nhà 04 gian cấp 4 và các công trình phụ trên diện tích đất đã được xác định tại Bản án phúc thẩm số 09.

- Hủy việc tạm giao quản lý di sản, buộc các ông bà Đình Quý T, Đình Quý C, Đình Quý Đ1, Đình Quý Đ, Đình Thị Th, Đình Thị T1, Đình Thị Tr, Đình Thị P, Đình Thị N2 phải giao lại phần di sản được tạm giao quản lý cho các đồng thừa theo pháp luật và chấm dứt việc tạm quản lý di sản.

- Buộc bà P phải tháo dỡ, di dời các công trình phụ do bà P tự ý xây dựng trái pháp luật trên diện tích đất 117m² trong thời gian được tạm giao quản lý để bán di sản chia thừa kế.

- Yêu cầu phân chia di sản bằng phương thức bán toàn bộ di sản thừa kế để chia thừa kế theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nh bán đấu giá toàn bộ di sản thừa kế và chia số tiền thu được từ việc bán đấu giá di sản cho 09 đồng thừa kế theo tỷ phần được hưởng sau khi trừ các chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá.

- Buộc 09 đồng thừa kế và anh Nguyễn Đức L phải giao lại 234 m² đất và căn nhà cấp 4 cùng các công trình phụ xây tạm trên đất cho người mua được di sản thừa kế bán đấu giá.

Tại các Bản tự khai, Đơn Trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Đình Thị P trình bày:

Nhà đất và lịch sử gia đình như ông Đ Trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc cụ H1 ký giấy cho vợ chồng bà Th, ông Th1 60 m² đất (thực tế là 74m²) cũng như việc Ủy ban nhân dân huyện Nh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th, ông Th1 là sai quy định pháp luật. Bà P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy bỏ việc phân chia và tạm giao 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 và công trình phụ trên diện tích đất 234 m² theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 09; đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bố mẹ để lại cho 8 người con, trừ bà Th. Đồng thời bà P có yêu cầu phản tố với nội dung đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Th1 bà Th tại thửa 340, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính Thị trấn N và đưa 74m² đất mà cụ H1 đã viết giấy cho vợ chồng bà Th ông Th1 vào khối di sản để xác định di sản thừa kế là 308m² đất, 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 cùng công trình phụ tại phố H, Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. Bà P đề nghị khi chia thừa kế Tòa án tính công sức trông coi bảo quản di sản, chi phí tu sửa tài sản là 65.500.000 đồng và tiền thuê đất bà P đã nộp; đề nghị chia cho bà P sử dụng diện tích đất có chiều rộng là 4,5m để đảm bảo nhu cầu làm nhà ở tại nông thôn.

Tại Đơn đề nghị rút yêu cầu phản tố ngày 21/8/2017, bà P rút nội dung yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Th1, bà Th.

Tại các Bản tự khai, Đơn đề nghị trong quá Tr giải quyết, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đình Thị Tr, bà Đình Thị N2 trình bày:

Bà Tr và bà N2 nhất trí với nội dung trình bày của bà P, đồng ý về việc chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Tỷ phần thừa kế được hưởng, bà Tr, bà N2 tặng cho bà P để làm nhà ở.

Tại các Bản tự khai, Đơn đề nghị trong quá Tr giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Quý T, ông Đinh Quý Đ1, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị T1, ông Đinh Quý C trình bày:

Nhà đất và lịch sử gia đình như ông Đ Trình bày là đúng. Các ông Đinh Quý T, ông Đinh Quý Đ1, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị T1, ông Đinh Quý C đồng ý việc chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại như quan điểm của ông Đ. Ký phần thừa kế được hưởng các ông Đinh Quý T, ông Đinh Quý Đ1, bà Đinh Thị Th, bà Đinh Thị T1 nhượng lại cho ông Đ để làm nơi thờ cúng. Ông C không đồng ý gộp chung ký phần được hưởng vào ký phần của ông Đ. Ông T đề nghị Tòa án tính công chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và chi phí mai táng theo tập quán cho ông T.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá tài sản ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nh xác định: Diện tích đất tạm giao cho các đương sự theo Quyết định của Bản án số 09 và sơ đồ kèm theo là 234 m² trị giá 152.000.000 đồng. Diện tích đất thực tế đang sử dụng là 249 m². Các tài sản trên đất gồm: Nhà mái ngói, bếp lợp ngói, bể nước, giếng nước, nhà tắm cũ, nhà tắm mới xây, 06 ống cống, sân trật xi măng trị giá 7.196.767 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế là 159.296.767 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 24/01/2018, UBND Thị trấn N cung cấp: Trước năm 2005, UBND Thị trấn N không còn lưu giữ hồ sơ thu số tiền thuế đối với 234 m² đất mang tên cụ C1 nên không xác định được ai là người đóng thuế. Năm 2005, bà P đóng 33.600 đồng. Từ năm 2006 đến năm 2017, số tiền thuế đối với diện tích đất trên chưa ai đóng. Số tiền thuế của năm 2016, 2017 đối với diện tích đất trên được miễn, nên nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất từ năm 2006 đến năm 2015 của thửa đất mang tên cụ C1 cụ H1 là 389.200 đồng. Đề nghị Tòa án khi chia thừa kế phải khấu trừ truy thu số tiền thuế sử dụng đất còn nợ nêu trên theo quy định của pháp luật. Ngoài nghĩa vụ nộp thuế đất, cụ C1 cụ H1 không còn nghĩa vụ nào khác tại UBND Thị trấn N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nh quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 110, Điều 111, Điều 649, Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế 234m² đất và tài sản trên đất tại thửa số 205 tờ bản đồ 08 (nay là thửa 229 tờ bản đồ số 17) bản đồ địa chính Thị trấn N.

Công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc hủy bỏ phân chia và tạm giao 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 và các công trình phụ trên diện tích đất 234 m² theo quyết định tại bản án phúc thẩm số 09/2011/DSPT ngày 20/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Chia và giao cho bà Đinh Thị P sử dụng và sở hữu 3/9 của diện tích đất (234m²) di sản thừa kế là 78m² đất, có các cạnh: Phía Đông dài 20,9m, chiều rộng (mặt đường) là 3,73m tính từ ranh giới đất của nhà ông H2, bà T2 và toàn bộ công trình hiện có trên đất. Bà Đinh Thị P phải nộp số tiền thuế sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân Thị trấn N là 108.000 đồng.

Chia và giao cho các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 sử dụng và sở hữu 6/9 của diện tích đất (234m²) di sản thừa kế là 156m² đất, có các cạnh: Phía Tây dài 20,9m, chiều rộng (mặt đường) là 7,47m tính từ ranh giới đất của nhà ông Th1 bà Th và toàn bộ công trình hiện có trên đất. Các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 phải nộp số tiền thuế sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân Thị trấn N là 281.000 đồng, chia phần mỗi người 47.000 đồng.

Các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Quý C 17.600.000 đồng, chia phần mỗi người phải thanh toán 3.520.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho bà P 2.500.000 đồng án phí sơ thẩm yêu cầu phản tố.
- Bà P phải nộp 2.654.000 đồng án phí dân sự chia tài sản thừa kế.
- Các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ1, Đinh Quý Đ, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 884.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/02/2018, ông Đinh Quý Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt, xác định không chính xác nhiều nội dung của vụ án, đề nghị, ý kiến của đương sự; nhận định và quyết định chia thừa kế bằng hiện vật không có căn cứ, không khách quan và không đúng quy định của pháp luật về chia thừa kế, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Ông Đ đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng bán toàn bộ di sản thừa kế để chia theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 05/02/2018, ông Đinh Quý C kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt, xác định không chính xác nhiều nội dung của vụ án, đề nghị, ý kiến của đương sự; nhận định và quyết định chia thừa kế bằng hiện vật không có căn cứ, không khách quan và không đúng quy định của pháp luật về chia thừa kế, ông không được chia bằng hiện vật nên chưa đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Ông C đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng bán toàn bộ di sản thừa kế để chia theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 05/02/2018, bà Đinh Thị P kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình với các nội dung sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia di sản thừa kế 234m² đất là không đúng vì diện tích đất bố mẹ bà để lại là 308m² tại thửa 205, tờ bản đồ số 8 Thị trấn N, huyện Nh.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết cho bà P quyền lợi của người quản lý di sản; chưa giải quyết công sức của bà P về việc tu sửa, tôn tạo, xây dựng, thiết kế, nâng cấp nhà và vườn chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết.

- Tại cấp sơ thẩm ông C đề nghị bán kỷ phần đất được hưởng, bà P đang khó khăn về chỗ ở, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà P gộp kỷ phần đất của ông C để bà P thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho ông C.

Ngày 03/4/2018, ông Đinh Quý C ủy quyền toàn bộ cho ông Đ tham gia tố tụng và đề nghị tặng cho ông Đ phần di sản được hưởng thừa kế để ông Đ xây dựng nhà thờ.

Ngày 03/4/2018, ông Đinh Quý Đ với tư cách là nguyên đơn và là Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Quý C thay đổi yêu cầu kháng cáo: Không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm với các nội dung sau:

- Sửa lại nội dung về giao quyền sở hữu đất đai vì đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Bản án sơ thẩm quyết định giao quyền sở hữu đất đai là vi phạm Hiến pháp và Luật Đất đai.

- Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Đ1, ông T, bà Th, bà T1 tặng cho ông Đ phần tài sản được chia thừa kế để ông Đ làm nhà thờ cúng nhưng vẫn tuyên chia và giao cho ông Đ1, ông T, ông Đ, bà Th, bà T1 sử dụng và sở hữu 6/9 diện tích đất và toàn bộ công Tr trên đất mà không tuyên chia và giao cho ông Đ sử dụng và sở hữu các phần di sản này. Đồng thời bản án sơ thẩm buộc ông Đ1, ông T, bà Th, bà T1 chịu án phí đối với phần tài sản được chia thừa kế đã tặng cho ông Đ là không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm không ghi cụ thể các công trình trên phần diện tích đất được giao. Tại Giấy ủy quyền ngày 03/4/2018, ông C đề nghị tặng cho ông Đ phần di sản được hưởng để ông Đ làm nơi thờ cúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Chia và giao cho ông Đ sử dụng 6/9 diện tích đất di sản thừa kế và sở hữu phần nhà cấp 4 và các công trình phụ gồm bếp, giếng nước, nhà tắm, bể nước xây trên phần đất được giao. Ông Đ được 05 thừa kế gồm ông Đ1, ông T, bà Th, bà T1, ông C tặng cho phần di sản thừa kế nên ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm được tính trên cơ sở phần giá trị tài sản được chia thừa kế và được tặng cho.

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung nội dung về Thông báo thụ lý yêu cầu hủy Quyết định cá biệt trong vụ án dân sự và Thông báo thu hồi, hủy thông báo đó.

- Đề nghị bổ sung tình tiết sau vào phần nhận định của Tòa án về di sản thừa kế: Năm 1990, cụ H1 lúc còn sống đã tặng cho bà Th 60 m² (đo thực tế là

74m²), bà Th đã làm nhà kiên cố trên đất vào năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện Nh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Th1 bà Th nên phải xác định việc tặng cho đã hoàn thành, ông Th1, bà Th là người sử dụng hợp pháp đất được cho. Di sản của cụ C1 cụ H1 còn lại 234m² trên đất cùng các công trình phụ xây tạm trên đất.

Ngày 08/9/2020, ông Đinh Quý C có Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo ngày 05/02/2018 và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận việc tự nguyện tặng cho ông Đ phần di sản ông C được chia thừa kế để làm nhà thờ cúng gia tiên.

Ngày 08/9/2020, ông Đinh Quý Đ có Đơn xin rút toàn bộ kháng cáo nêu trong đơn kháng cáo ngày 05/02/2018 và Đơn thay đổi kháng cáo ngày 03/4/2018. Ông Đ đồng ý nhận toàn bộ phần di sản ông C tặng cho. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận việc tự nguyện tặng cho di sản ông C được chia thừa kế để làm nhà thờ cúng gia tiên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ là người kháng cáo và Người đại diện theo ủy quyền của ông C giữ nguyên yêu cầu rút kháng cáo và các đề nghị như trong đơn ngày 08/9/2020 và đề nghị Tòa án miễn án phí cho các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 vì họ đều là người cao tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ngày 05/02/2018 và đề nghị các vấn đề cụ thể như sau: Tòa án đưa diện tích 75,6 m² của bà Th, ông Th1 vào chia thừa kế di sản của cụ C1 và cụ H1; nếu chỉ chia thừa kế 234 m² như quyết định của bản án số 09 thì chỉ chia làm 08 kỷ phần không chia cho bà Th; đề nghị Tòa án miễn án phí cho bà P vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đề nghị Tòa án tạm dừng phiên tòa chia thừa kế để chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Đinh Thị P. Chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo của ông Đ, ông C, đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Đ, ông C. Sửa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của ông Đ và ông C về việc cho tặng kỷ phần thừa kế của ông C để ông Đ làm nơi thờ cúng gia tiên, miễn án phí cho các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, làm đúng thời hạn, đủ thủ tục pháp luật quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người kháng cáo là ông Đ, ông C đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Việc rút toàn bộ kháng cáo

của ông Đ và ông C là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào Điều 295, Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đình Quý Đ và ông Đình Quý C.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà P về việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chia di sản thừa kế 234 m² đất là không đúng vì diện tích đất bố mẹ bà để lại là 308 m² tại thửa 205, tờ bản đồ số 8 Thị trấn N, huyện Nh. Bà P đề nghị đưa diện tích 75,6 m² của bà Th, ông Th1 vào chia thừa kế di sản của cụ C1 và cụ H1. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Tại cấp sơ thẩm, bà P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy bỏ việc phân chia và tạm giao 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 và công Trình phụ trên diện tích đất 234 m² theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 09/2011/DSPT ngày 20/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình; đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bố mẹ để lại cho 8 người con, trừ bà Th. Tại cấp sơ thẩm bà P đã đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Th1 bà Th tại thửa 340, tờ bản đồ số 8 bản đồ địa chính Thị trấn N. Sau đó, đến ngày 21/8/2017 bà P rút nội dung yêu cầu này. Như vậy, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sự thống nhất của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tài sản tranh chấp là toàn bộ khối tài sản tạm giao theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 09/2011/DSPT ngày 20/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình gồm: Quyền sử dụng diện tích đất 234 m²; tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 04 gian cấp 4 và công Trình phụ để chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật đảm bảo quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3.2] Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo. Quyết định của án sơ thẩm chưa giải quyết phần diện tích đất này nên cấp phúc thẩm không xem xét. Mặt khác, diện tích đất 74 m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Th1, bà Th. Bà P đã khởi kiện vụ án hành chính nên các nội dung liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Th1, bà Th sẽ được giải quyết khi vụ án hành chính thụ lý số 05/2020/TLST-HC ngày 06 tháng 03 năm 2020 có kết quả. Việc bà P đề nghị tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà P về quyền lợi của người quản lý di sản và công sức tôn tạo, xây dựng, kiến thiết nâng cấp nhà, vườn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bản án phúc thẩm số 09/2011/DSPT ngày 20/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là di sản thừa kế. Bản án đã quyết định giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu. Như vậy, về quyền lợi của người quản lý di sản và công sức tôn tạo, xây dựng, kiến thiết nâng cấp nhà, vườn trong thời gian từ năm 1998 đến khi bản án phúc thẩm số 09/2011/DSPT ngày 20/7/2011 của Tòa án

nhân dân tỉnh Ninh Bình có hiệu lực đã được xem xét khi giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu theo quyết định của bản án này. Sau khi đã phân định ranh giới tạm giao quyền sử dụng đất theo bản án phúc thẩm số 09/2011/DSPT ngày 20/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, bà P và con trai là anh L là người trực tiếp sử dụng đã tự ý xây dựng công Tr nhà bếp, nhà tắm trên đất di sản để phục vụ cho sinh hoạt của bà P và anh L mà không được sự đồng ý của ông Đ và các đồng thừa kế khác nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P về việc tính công sức của người quản lý di sản, không có căn cứ chấp nhận số tiền tu sửa tôn tạo xây dựng nâng cấp nhà vườn 65.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà P đề nghị được nhận kỷ phần của ông C và có trách nhiệm thanh toán cho ông C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại cấp sơ thẩm ông C không đồng ý gộp kỷ phần với ông Đ, không có nguyện vọng nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật nên khi quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm đã gộp kỷ phần thừa kế của ông C vào các kỷ phần thừa kế của các ông T, ông Đ1, ông Đ, bà Th, bà T1 để chia di sản bằng hiện vật tạo điều kiện cho các thừa kế này xây dựng nơi thờ cúng gia tiên và buộc những người này thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông C là phù hợp. Tại Giấy ủy quyền ngày 03/4/2018 và Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo ngày 08/9/2020 ông C đề nghị tặng cho ông Đ giá trị kỷ phần thừa kế ông C được hưởng để ông Đ xây nhà thờ. Ông Đ đồng ý nhận giá trị kỷ phần thừa kế ông C tặng cho để làm nơi thờ cúng gia tiên. Do đó, để đảm bảo quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự cần sửa án sơ thẩm để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung kỷ phần thừa kế trị giá 17.600.000 đồng của ông C. Bà P kháng cáo đề nghị được nhận kỷ phần của ông C và có trách nhiệm thanh toán cho ông C trái với sự định đoạt của ông C nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Tại cấp phúc thẩm các ông bà Đình Quý T, Đình Quý Đ, Đình Quý Đ1, Đình Quý C, Đình Thị Th, Đình Thị T1 đã có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên theo điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các ông Đình Quý T, Đình Quý C, Đình Quý Đ, Đình Quý Đ1, Đình Thị Th, Đình Thị T1. Bà Đình Thị P đề nghị Tòa án miễn án phí với lý do là gia đình có khó khăn về kinh tế nhưng không đưa ra được các tài liệu chứng minh nên không đủ điều kiện được miễn giảm án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Những phần khác của Bản án số 01/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình không bị kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí phúc thẩm:

Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên những người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, Điều 295, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 110, Điều 111, Điều 649, Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Quý Đ và ông Đinh Quý C.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị P.

3. Sửa Bản án số 01/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình phần bản án liên quan đến kỷ phần thừa kế của ông Đinh Quý C và phần án phí sơ thẩm. Cụ thể như sau:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế 234 m² đất và tài sản trên đất tại thửa số 205 tờ bản đồ 08 (nay là thửa 229 tờ bản đồ số 17) bản đồ địa chính Thị trấn N.

Chia và giao cho bà Đinh Thị P quyền sử dụng diện tích đất là 78 m² (là 3/9 của diện tích đất 234 m² là di sản thừa kế). Thửa đất có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông dài 20,9 m giáp đất của ông H2, bà T2; phía Nam giáp đường dài 3,73 m (tính từ ranh giới đất của nhà ông H2, bà T2); phía Tây dài 20,9 m giáp đất của các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Quý C, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1; phía Bắc dài 3,73 m (tính từ ranh giới đất của nhà ông H2, bà T2) giáp ao. Bà P được sở hữu toàn bộ công trình hiện có trên diện tích đất được chia. Bà Đinh Thị P phải nộp số tiền thuế sử dụng đất cho UBND Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình là 108.000 đồng (một trăm L tám nghìn đồng).

Chia và giao cho các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Quý C, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 được quyền sử dụng diện tích đất là 156 m² (là 6/9 của diện tích đất 234 m² là di sản thừa kế). Thửa đất có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông dài 20,9 m giáp phần đất chia cho bà P; phía Nam dài 7,47 m giáp đường; phía Tây dài 20,9 m giáp phần đất của nhà ông Th1, bà Th đang sử dụng; phía Bắc dài 7,47 m giáp ao. Các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Quý C, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 sở hữu toàn bộ công trình hiện có trên diện tích đất được chia. Các ông bà Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ, Đinh Quý Đ1, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1 phải nộp số tiền thuế sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện Nh, tỉnh Ninh Bình là 281.000 đồng (hai

trăm tám một nghìn đồng), theo phần mỗi người 47.000 đồng (bốn mươi bảy nghìn đồng).

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho bà P 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm yêu cầu phản tố theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0000569 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nh.

- Bà Đinh Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản thừa kế là: 2.654.000 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

- Miễn án phí sơ thẩm cho các ông, bà Đinh Quý T, Đinh Quý C, Đinh Quý Đ1, Đinh Quý Đ, Đinh Thị Th, Đinh Thị T1. Trả lại cho ông Đinh Quý Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/07544 ngày 20/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nh là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Ông Đinh Quý Đ, ông Đinh Quý C, bà Đinh Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4.2. Trả lại cho bà Đinh Thị P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000386 ngày 05/02/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nh, tỉnh Ninh Bình.

4.3. Trả lại cho ông Đinh Quý Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/0000391 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nh, tỉnh Ninh Bình. Trả lại cho ông Đinh Quý C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/0000392 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nh, tỉnh Ninh Bình.

5. Những phần của bản án số 01/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 29/10/2020.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1);

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV-THA (1)
- Chi cục THA huyện Nh (1);
- TAND huyện Nh (1);
- Các đương sự (11);
- Lưu VP, tòa DS (2)

Đã ký

Đinh Huy Lưỡng